TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày: 18/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Trường Giang
2. Ông Lý Trung Hiếu

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái: Ông Nguyễn Công Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Thị L (tên gọi khác: Không) sinh ngày 15/8/1969. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Phù Lá; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn S (đã chết) và bà Đặng Thị S (đã chết); có chồng là Phùng Xuân L và 04 người con (lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1992); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 43/LCĐKNCT ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Bị cáo tại ngoại tại thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái – có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo theo giới thiệu của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái:* Ông Nguyễn Đức Dũng – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái – có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:* Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1984 – Phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (Giấy ủy quyền ngày 03/7/2023) - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Phùng Văn C, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

Anh Phùng Văn C, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*
- *Người làm chứng:*

Anh Phạm Ngọc M – vắng mặt.
Anh Lù A P. Nơi – vắng mặt.
Chị Vàng Thị D - vắng mặt.
Anh Vàng A T – vắng mặt.
Anh Sùng A C – vắng mặt.
Chị Vừ Thị D - vắng mặt.
Anh Giàng A T – vắng mặt.
Anh Giàng A D – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1985 Hoàng Thị L xây dựng gia đình với ông Phùng Xuân L sinh sống tại thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn Hoàng Thị L cùng với bố mẹ chồng khai hoang, canh tác tại một mảnh rừng tại khu vực thôn A nay là thôn T, xã C, huyện V. Canh tác được khoảng 10 năm, do tuổi cao sức yếu, hạn chế khả năng lao động nên bố mẹ chồng giao cho L tiếp tục trồng cấy trên diện tích rừng đã khai hoang này. Đến khoảng năm 2010 thì Hoàng Thị L cũng bỏ hoang không trồng cấy nữa. Năm 2013 diện tích đất rừng nêu trên được quy hoạch là rừng tự nhiên sản xuất vị trí tại lô 5, khoảnh 5, tiểu khu 88 thuộc thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Đến tháng 7 năm 2022 do cần đất để canh tác, trồng cây Quế Hoàng Thị L nhờ con trai là Phùng Văn C và em chú là Phùng Văn C đi lên khu vực rừng mà Hoàng Thị L bỏ hoang trước đó cùng nhau dùng dao phát phá, chặt hạ các cây vầu, cây bụi, dây leo trong vòng một tuần thì dừng lại. Đến tháng 11 năm 2022 Hoàng Thị L một mình đi lên khu vực rừng đã phát phá để thu gom đốt dọn, tuy nhiên do diện tích rộng, một mình không thể dọn hết được nên ngày 26/11/2022 Hoàng Thị L thuê anh Phạm Ngọc M trú tại thôn N, xã C đốt dọn cho L với giá 5.500.000đồng. Sau đó Phạm Ngọc M đã thuê 07 người dân tộc Mông gồm Lù A P, sinh năm 1982, Vàng Thị D, sinh năm 1964 cùng trú tại xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái; Vàng A T, sinh năm 1994, Giàng A T, sinh năm 1979, Giàng A D, sinh năm 1976, Sùng A C, sinh năm 1986 và Vừ Thị D, sinh năm 1980 cùng trú tại huyện M đốt dọn mảnh rừng đã được phát phá cho Hoàng Thị L với giá 4.500.000đồng. Ngày 28/11/2022 khi nhóm người dân tộc Mông đang đốt dọn thì bị Công an và chính quyền xã C phát hiện, ngăn chặn.

Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 30/11/2022 xác định diện tích rừng tự nhiên sản xuất bị phát phá là 5.834m^2, lâm sản bị thiệt hại là 3.034 cây vầu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trưng cầu định giá tài sản đối với 3.034 cây vầu có chu vi gốc trung bình 19cm (đường kính gốc

trung bình là 06cm) do Hoàng Thị L phát phá tại thời điểm tháng 7/2022. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06 ngày 23/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Yên kết luận: Giá trị thiệt hại là 63.714.000đồng, cụ thể 21.000đồng/cây (Đơn giá theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái).

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKS-VY ngày 09/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố Hoàng Thị L về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 điều 243 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị L phạm tội "Hủy hoại rừng" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có tài sản, công ăn việc làm không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường được 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) cho nguyên đơn dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền: 43.714.000đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng). Yêu cầu của nguyên đơn dân sự có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái số tiền còn lại là: 43.714.000đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hoàng Thị L là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo Hoàng Thị L là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn của huyện V, trình độ dân trí thấp. Bản thân bị cáo không được học hành đầy đủ (bị cáo học 01/12) do đó hiểu biết về xã hội nói chung, kiến thức về pháp luật nói riêng đặc biệt là pháp luật về Lâm nghiệp còn rất nhiều hạn chế. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự. Tại địa phương bị cáo là người dân lao động thuần nông cần cù, chịu khó, luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, thu nhập không ổn định sinh sống chủ yếu chỉ dựa vào trồng trọt và làm thuê tự do. Xuất phát từ mong muốn có thêm đất để phát triển kinh tế, lấy sức lao động để khi già có ít

tiền dưỡng già, dẫn tới bị cáo đã phạm tội. Nguyên nhân, tính chất mức độ hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo do trình độ hiểu biết, nhận thức pháp luật hạn chế, sinh sống ở vùng sâu vùng xa vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên khả năng tiếp cận thông tin của bị cáo có phần hạn chế.

Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay cho thấy, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi vi phạm của mình, do đó tôi đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, trong quá trình chờ xét xử vụ án, mặc dù hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nhưng bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho Ủy ban nhân dân xã C số tiền 20.000.000đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự đó là: "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại". Bị cáo có chồng là ông Phùng Xuân L tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và hiện nay được hưởng chế độ trợ cấp một lần. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và áp dụng khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, công ăn việc làm không ổn định và là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận bồi thường dân sự.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hoàng Thị L là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa bị cáo đã khai phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do cần đất để canh tác, phát triển kinh tế nên trong thời gian tháng 7 năm 2022 bị cáo Hoàng Thị L đã nhờ con trai là Phùng Văn C và em chú là Phùng Văn C đi lên khu vực rừng tự nhiên sản xuất vị trí tại lô 5, khoảnh 5, tiểu khu 88 thuộc thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái do Ủy ban nhân dân xã C quản lý, phát phá hủy hoại diện tích 5.834m^2, gây thiệt hại về lâm sản là 3.034 cây Vầu giá trị 63.714.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 17/CT-VKS-VY ngày 09/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm các quy định về chính sách quản lý Nhà nước về rừng tự nhiên sản suất, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần phải đưa bị cáo ra xử lý bằng pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 20.000.000đồng cho nguyên đơn dân sự. Bị cáo có chồng là ông Phùng Xuân L tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và hiện nay được hưởng chế độ trợ cấp một lần. Do vậy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Để giảm hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy nên phải có một mức án phù hợp với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ hai mươi triệu đồng đến một trăm triệu đồng* ...". Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có tài sản, công ăn việc làm không ổn định và bị cáo là là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện

kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với Phùng Văn C và Phùng Văn C tham gia cùng bị cáo Hoàng Thị L phát phá rừng. Tuy nhiên, C và C không biết đó là rừng tự nhiên sản xuất do khi được bị cáo Hoàng Thị L nhờ phát hộ L nói đây là nương cũ của gia đình nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với C và C trong vụ án là phù hợp.

[10] Đối với Phạm Ngọc M và Lù A P, Vàng Thị D, Vàng A T, Giàng A T, Giàng A D, Sùng A C, Vừ Thị D nhận đốt dọn nương để lấy tiền công. Tuy nhiên những người này đều không biết đó là rừng tự nhiên sản xuất do Nhà nước quản lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý trong vụ án là phù hợp.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi phát phá rừng gây thiệt hại tài sản tổng số tiền là: 63.714.000 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng). Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng). Tại phiên toà nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp tổng số tiền là: 43.714.000đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng). Ý kiến bị cáo phần bồi thường đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái số tiền 43.714.000đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

[12] Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hoàng Thị L là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[13] Bị cáo; Nguyên đơn dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị L phạm tội "Hủy hoại rừng".

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thị L cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Hoàng Thị L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Hoàng Thị L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Thị L phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái số tiền: 43.714.000đồng ((Bốn mươi ba triệu bẩy trăm mười bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo Hoàng Thị L chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị L được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Chu Thị Thoảng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Yên
- Cơ quan THAHS Công an huyện Văn Yên.
- Bộ phận HSNV Công an huyện Văn Yên
- VKSND huyện Văn Yên
- VKSND tỉnh Yên Bái
- THADS huyện Văn Yên
- THA phạt tù (3)
- Bị cáo (1); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (2).
- Người bào chữa
- UBND xã C.

- Lưu HS - TQĐ